

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông N, bà P là Luật sư Bùi Phú T, thuộc Công ty Luật TNHH P - Chi nhánh Quảng Ngãi; Luật sư T có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Ngô Anh H, sinh năm 1971 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1970; ông H và bà H cùng trú tại đội 1, xóm 1, thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; ông H, bà H đều có mặt tại phiên tòa.

3.2. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1976; HKTT: huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ tạm trú: thành phố Hồ Chí Minh; bà T có mặt tại phiên tòa.

3.3. Chị Ngô Thị Diệp T, vắng mặt tại phiên tòa;

3.4. Chị Ngô Thị Lệ H, có mặt tại phiên tòa;

3.5. Chị Ngô Thị Ánh N, vắng mặt tại phiên tòa;

3.6. Anh Ngô Anh L, có mặt tại phiên tòa;

3.7. Chị Ngô Thị V, vắng mặt tại phiên tòa;

Chị T, chị H, chị N, anh L và chị V (đều là con của vợ chồng ông Ngô Anh N, bà Nguyễn Thị P) cùng trú tại: Đội 1, xóm 1, thôn B, xã T, Huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3.8. Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; người đại diện theo pháp luật là ông Phạm V (Chủ tịch huyện); ông Phạm V ủy quyền cho ông Phạm Trung T - Phó trưởng phòng Tài nguyên Môi trường huyện tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền số 901-QĐ-UBND ngày 08/3/2018); ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2016 và quá trình tố tụng, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 480, tờ bản đồ số 38, xã T, diện tích 1.493m² (thực tế đo đạc hiện nay là 1.406,3m²) trên đất có căn nhà tranh, vách đất là của cụ Lê Thị Y bán cho vợ chồng cụ Ngô M (X), cụ Huỳnh Thị T ngày 20/4/1996, với giá 2.000.000 đồng; việc mua bán có lập **Giấy bán nhà** được chính quyền thôn và Ủy ban nhân dân xã T xác nhận cùng ngày 20/4/1996. Sau đó, năm 1998 nhà cũ của cụ Y hư hỏng nặng nên vợ chồng Cụ M tháo dỡ; năm 2000 vợ chồng Cụ M cho con trai là Ngô Anh N một phần đất có chiều rộng khoảng 7 mét, chiều dài hết vườn (nay đo đạc là 426,7m² nằm về phía Bắc thửa đất) để Ông N làm nhà ở; việc cho đất không lập giấy tờ chỉ nói miệng. Năm 2003, vợ chồng Cụ M tiếp tục cho vợ chồng ông Ngô Anh H (em trai ông Ngô Anh N) một phần đất rộng 7 mét, dài hết vườn (nay đo đạc là 122,7m² nằm giữa thửa đất) để Ông N làm nhà ở; việc cho đất cũng chỉ nói miệng, không lập giấy tờ; phần đất còn lại vợ chồng Cụ M canh tác đến tháng 11/2003 thì giao luôn cho vợ chồng Ông N canh tác.

Năm 2004, khi Ông N cắt đất chuyển nhượng cho người khác nên vợ chồng Cụ M ngăn cản nên phát sinh tranh chấp và đến lúc này vợ chồng Cụ M mới biết việc Ông N đã kê khai, được UBND huyện S cấp **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** số sê ri S 643775, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 01787 QSDĐ/số 246/QĐ-UB (H) ngày 17/4/2001, đối với diện tích 1.493m² đất, thửa số 480, tờ bản đồ số 38 xã T nên vợ chồng Cụ M nhiều lần khiếu nại với chính quyền địa phương, nhưng ngày 30/6/2016, UBND xã mới tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật. Hiện nay, thì vợ chồng Ông N sử dụng 426,7m² đất, trên xây dựng 01 nhà cấp 4; vợ chồng ông H sử dụng 122,7m² đất trên xây dựng 01 nhà cấp 4; sau khi khởi kiện tại Tòa án thì vợ chồng Cụ M phát hiện năm 2006 Ông N tự ý chuyển nhượng cho bà Bùi Thị T 180m² đất, bà T đã được chỉnh lý sang tên ngày 29/8/2006.

Nay vợ chồng Cụ M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** số sê ri S 643775, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 01787 QSDĐ/số 246/QĐ-UB (H) mà UBND huyện S cấp cho “*hộ ông Ngô Anh N*” ngày 17/4/2001; yêu cầu tuyên bố **Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất** số 663/CN ngày 16/6/2006 giữa vợ chồng anh Nghĩa với bà T vô hiệu; buộc vợ chồng Ông N trả hai cụ 856,9m² đất (đã khấu trừ 426,7m² đất hai cụ đã cho vợ chồng Ông N và 122,7m² đất hai cụ đã cho vợ chồng ông H).

Bị đơn là vợ chồng ông Ngô Anh N, bà Nguyễn Thị P trình bày:

Năm 1996, khi Ông N đang ở nhờ nhà vợ, thì vợ chồng Cụ M gọi về bảo Ông N mua nhà tranh trên thửa đất số 480 của cụ Y. Ông N và cụ Y thống nhất giá mua bán là 4 chỉ vàng 24K; cụ Y viết Giấy chuyển nhượng và hẹn ngày giao vàng; đến ngày hẹn giao vàng (không nhớ ngày) thì Ông N bận nên giao 04 chỉ vàng 24K cho cha đến trả cụ Y; vì là cha con nên khi giao vàng cho cha để trả bà Yén, Ông N không yêu cầu cha viết giấy. Sau đó 4 ngày, Ông N về gặp cụ Y và cụ Y giao nhà đất cho Ông N; Ông N sửa lại nhà và đưa vợ con đến ở. Năm 2000, vợ chồng Ông N dỡ nhà cũ làm nhà cấp 4; quá trình quản, lý sử dụng vợ chồng Ông N đăng ký kê khai, nộp thuế nên được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/4/2001; lúc đó vợ chồng Cụ M không tranh chấp. Năm 2003, thấy vợ chồng em trai là Ngô Anh H ở chung với cha mẹ chật chội nên Ông N để lại cho ông H diện tích đất 5m x 25m làm nhà ở; hẹn khi nào ông H có tiền sẽ trả Ông N. Vợ chồng ông H đã làm nhà cấp 4 diện tích 70m² ở giữa thửa đất 480 để ở; nhưng đến nay chưa trả tiền cho Ông N. Năm 2006, vợ chồng Ông N chuyển nhượng 180m² đất ở phía Nam thửa đất cho bà Bùi Thị T, với giá 15.000.000đ; lúc đó vợ chồng Cụ M biết, nhưng không phản đối và bà T đã được chỉnh lý sang tên. Nay cha mẹ khởi kiện đòi đất vì cho rằng cha mẹ là người mua nhà đất của cụ Y thì vợ chồng Ông N không đồng ý vì tiền mua đất là của vợ chồng Ông N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Ngô Anh H, bà Đỗ Thị Hiền thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của vợ chồng Cụ M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị T trình bày:

Ngày 16/6/2006, vợ chồng Ông N ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 663/CN chuyển nhượng cho Bà 180m² đất, với giá 15.000.000đ; hợp đồng được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận; sau đó đại diện chính quyền xã và Phòng Tài nguyên và môi trường huyện S xuống kiểm tra, lập biên bản bàn giao đất trên thực địa, không có ai tranh chấp. Ngày 29/8/2006, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S chỉnh lý nội dung trang 4 của **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** đã cấp cho “*hộ ông Ngô Anh N*” trước đây, với nội dung: “*Hợp đồng số 663/CN Ông N chuyển quyền bà T diện tích 180m² đất vườn*”. Nay vợ chồng cụ Ngô M khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông N với Bà vô hiệu thì Bà không đồng ý vì vợ chồng Ông N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi chuyển nhượng không có tranh chấp và Bà đã được chỉnh lý, sang tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (tại Công văn số 2453/UBND ngày 18/11/2016) đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 07/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 144, 147, 157, 158, 266, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 137, khoản 2 Điều 138, Điều 255, 256, Điều 258 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166 và điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015. Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô M (X), bà Huỳnh Thị T.

1. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 663/CN ngày 16/6/2006 giữa ông Ngô Anh N và bà Bùi Thị T là vô hiệu. Buộc bà Bùi Thị T phải giao trả lại 180m² đất vườn có chiều ngang 6m, chiều dài 30m thuộc thửa đất số 380, tờ bản đồ số 8, xã T, huyện S cho ông Ngô Anh N, bà Nguyễn Thị P. Buộc ông Ngô Anh N, bà Nguyễn Thị P phải hoàn trả lại số tiền 144.000.000đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng) cho bà Bùi Thị T.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô M (X), bà Huỳnh Thị T cho vợ chồng ông Ngô Anh N, bà Nguyễn Thị P diện tích đất 426,7m² nằm ở phía Bắc thửa đất 480, tờ bản đồ số 38 xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi có giới cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường đất đi vào nhà ông Ngô M (X), bà Huỳnh Thị T có chiều dài từ điểm A đến điểm B có các cạnh lần lượt là: 6,15m + 12,41m + 3,97m + 5,27m + 2,29m + 2,99m + 3,32m + 3,27m + 6,66m.

- Phía Tây giáp đường M đi Đ có chiều dài từ điểm A đến điểm C là 9,62m.

- Phía Nam giáp diện tích đất giao trả cho ông M, bà T có chiều dài từ điểm C đến điểm D có các cạnh lần lượt là: 8,14m + 2,94m + 33,26m.

- Phía Đông giáp đất ông Ngô M (X), bà Huỳnh Thị T có chiều dài từ điểm D đến điểm B là 11,45m.

3. Buộc ông Ngô Anh N, bà Nguyễn Thị P phải trả lại cho ông Ngô M (X), bà Huỳnh Thị T diện tích đất 856,9m² thuộc thửa đất số 480, tờ bản đồ số 38 xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, Có giới cận như sau:

- Phía Bắc giáp nhà và đất ông Ngô Anh N, bà Nguyễn Thị P đang sử dụng có chiều dài từ điểm C đến điểm D lần lượt là: 8,14m + 2,94m + 33,26m.

- Phía Tây giáp đường Chợ Mới đi chợ Đình và giáp nhà, đất ông Ngô Anh H đang quản lý, sử dụng có chiều dài từ điểm C - E - F - H - G - I lần lượt là: 8,86m + 22,97m + 5,40m + 22,72m + 6m + 8,92m.

- Phía Nam giáp Gò Nghĩa Tự (Miếu) của thôn và giáp một phần đất của ông Ngô M có chiều dài từ điểm I đến điểm K lần lượt là: 13,68m + 5,96m + 12,75m

- Phía Đông giáp phần đất của ông Ngô M có chiều dài từ điểm K đến điểm D lần lượt là: 4,49m + 2,45m + 2,49m + 7,97m + 4,38m + 2,48m.

(Có sơ đồ bản vẽ giao đất kèm theo là một bộ phận không thể tách rời khỏi bản án).

4. Giao cho ông Ngô M (X), bà Huỳnh Thị T được sở hữu các cây cối có trên đất bao gồm: 01 cây Dừa, 05 cây Cau, 02 cây Mãng cầu, 01 cây Chanh và 01 cây Ổi. Buộc ông Ngô M (X), bà Huỳnh Thị T phải hoàn trả lại giá trị cây cối cho Ông N, bà P với số tiền 1.930.000đồng (Một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

Buộc Ông N, bà P phải tháo dỡ 01 chuồng heo tạm diện tích 13,1m² nằm ở góc phía Đông Bắc của diện tích đất 856,9m².

5. Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: S 643775, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 01787 QSDĐ/số 246/QĐ-UB (H) do Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ ông Ngô Anh N vào ngày 14/7/2001 tại thửa đất số 480, tờ bản đồ số 38, diện tích 1.493m² xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí định giá, trách nhiệm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo.

- Ngày 18/9/2017, ông Ngô Anh N có Đơn kháng cáo cho rằng **Giấy bán nhà** ngày 20/4/1996 do phía nguyên đơn xuất trình là giả mạo vì: Cụ Ngô M không biết chữ nên không thể đọc, ký vào giấy này; ông Nguyễn Văn A (con cụ Y) đã bỏ đi khỏi địa phương từ lâu nên chữ ký của ông Nguyễn Văn A trong Giấy mua bán là giả; Ngày 20/6/1996 là thứ 7 nên không thể có việc HTX và UBND xã T ký xác nhận vào Giấy bán nhà; Tòa án không triệu tập và lấy lời khai những người ký trong Giấy mua bán này và hiện nay Ông đã có đơn tố cáo gửi Cơ quan điều tra Công an huyện S. Do đó, Ông N đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định thửa đất số 480, tờ bản đồ số 38, diện tích 1.493m² thuộc quyền sử dụng của vợ chồng Ông; đề nghị công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng Ông với bà Bùi Thị T; trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của A thì cần hủy bản án sơ thẩm để làm rõ những vấn đề Ông nêu.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

+ Phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Phía bị đơn (ông Ngô Anh N) giữ nguyên nội dung kháng cáo.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị T đề nghị Tòa án công nhận Bà là người có quyền sử dụng 180m² đất đã mua của Ông N vì Bà mua bán ngay tình, đã trả đủ tiền và đã được chỉnh lý, sang tên sử dụng diện tích đất này.

+ Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông N cho rằng Ông N là người đưa 4 chỉ vàng cho cụ Ngô M đi mua đất của bà Yến, nhưng Ông N không nêu được căn cứ chứng minh; trong khi cụ Ngô M, ông Ngô Anh H không thừa nhận, còn Giấy bán nhà đứng tên người nhận chuyển nhượng là cụ Ngô M được 4 cơ quan Nhà nước xác nhận, phê duyệt việc chuyển nhượng từ cụ Y sang Cụ M. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định vợ chồng cụ Ngô M là người nhận chuyển nhượng đất của cụ Y; từ đó hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ông N kê khai được UBND huyện S cấp năm 2001 là có cơ sở, đúng pháp luật;

Bà T là người thứ ba nhận chuyển nhượng đất ngay tình từ Ông N, bà T đã được chỉnh lý, sang tên quyền sử dụng 180m² đất/1.493m² đất nên theo quy định của pháp luật bà T có quyền sử dụng diện tích 180m² đất này. Tại phiên tòa hôm nay ông H cũng đồng ý để bà T sử dụng diện tích đất này với điều kiện “Ông N phải có lời nói với cha” và phải trả giá trị đất đã chuyển nhượng cho bà T cho cha nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc Ông N trả cụ Ngô M theo giá thị trường đối với diện tích 180 m² đất này.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi và tranh luận tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng

và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1}. Về người nhận chuyển nhượng nhà trên diện tích 1.493m² đất (thực tế đo hiện nay là 1.406,3m²) tại thửa số 480, tờ bản đồ số 38, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi của cụ Y và việc UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất này cho ông Ngô Anh N thì thấy:

{1.1}. Thửa đất số 480, tờ bản đồ số 38, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi nguyên trước đây là thửa đất số 256, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.140m² của cụ Lê Thị Y có đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299/TTg năm 1986 tại **Sổ đăng ký ruộng đất** của Hợp tác xã Nông nghiệp Bình Đông, xã T, huyện S lập ngày 24/4/1985 (bút lục 106); trên đất có một ngôi nhà tranh, vách đất do cụ Y xây dựng. Ngày 20/4/1996, cụ Y và con trai là Nguyễn Văn A chuyển nhượng ngôi nhà và thửa đất nêu trên cho cụ Ngô M (X) với giá 2.000.000 đồng; việc chuyển nhượng nhà, đất có lập **Giấy bán nhà** (bút lục 126), được Ban chỉ huy đội 1 Bình Đông, Ban thôn Bình Đông, Hợp tác xã Nông nghiệp Bình Đông và Ủy ban nhân dân xã T xác nhận, đồng ý để cụ Y chuyển nhượng nhà, đất cho cụ Ngô M (X). Ông Ngô Anh N (con trai của vợ chồng cụ Ngô M) cho rằng Ông N là người giao Cụ M 04 chỉ vàng 24K để Cụ M trả tiền mua nhà, đất cho cụ Y; nhưng Ông N không có căn cứ chứng minh, trong khi vợ chồng cụ Ngô M không thừa nhận. Thực tế, vợ chồng cụ Ngô M vào nhận và sử dụng nhà, đất từ năm 1996; năm 1998 nhà tranh cũ của cụ Y hư hỏng nên vợ chồng cụ Ngô M tháo dỡ và đến năm 2000 thì vợ chồng Ông N mới làm nhà cấp 4 trên đất để ở. Năm 2003 vợ chồng ông Ngô Anh H (em trai Ông N) vào sử dụng một phần đất để làm nhà ở; vợ chồng ông H khẳng định vợ chồng ông H vào làm nhà, sử dụng diện tích đất này là do được cha mẹ cho; trong khi Ông N cho rằng Ông N bán đất cho ông H, khi nào có tiền ông H trả sau, nhưng Ông N không nêu được văn bản về việc bán đất cho ông H, còn ông H không công nhận trình bày của Ông N.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Ông N và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông N lúc đầu yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định **Giấy bán nhà** ngày 20/4/1996 vì cho rằng chữ ký người bán không phải là chữ ký của cụ Y, chữ ký người mua không phải chữ ký của cụ Ngô M; nhưng tại phiên tòa ông H khẳng định cụ Ngô M điếc nặng và không biết chữ nên sau khi thỏa thuận mua đất và giao tiền cho cụ Y thì Cụ M nói Ông N ký thay tên Cụ M, còn bên bán thì ông Anh (con cụ Y) ký thay chữ ký của cụ Y nên Ông N và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Ông N rút yêu cầu đề nghị Tòa án trưng cầu giám định. Tuy nhiên, Ông N và luật sư bảo vệ quyền lợi cho Ông N còn cho rằng: Tuy Cụ M là người giao tiền cho cụ Y, nhưng cần làm rõ bản chất cụ Y bán đất cho Cụ M hay bán đất cho Ông N? có thể Cụ M đã nói với mọi người có mặt hôm đó rằng Ông N là người mua đất của cụ Y, tiền Cụ M giao cụ Y là tiền của Ông N, nhưng ông H lợi dụng việc Cụ M không biết chữ, điếc nên ông H ghi tên Cụ M là người

mua đất? Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập cụ Y, ông Anh để làm rõ vấn đề này và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay không thể làm rõ được vấn đề này nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại. Xét thấy, vợ chồng Ông N được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt vợ chồng Ông N; còn trong suốt quá trình tố tụng trước đó thì chưa khi nào Ông N nêu ghi vấn đề ông H cố tình ghi sai ý chí của cụ Ngô M tại **Giấy bán nhà** lập ngày 20/4/1996 và cũng không nêu yêu cầu triệu tập cụ Y, các con cụ Y; trong khi đó, thực tế sau khi chuyển nhượng hết đất thì cụ Y và các con đã đi khỏi địa phương và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bên đương sự đều thừa nhận hàng năm cụ Y vẫn đi về địa phương, nhưng không đương sự nào đặt vấn đề hỏi cụ Y là cụ Y chuyển nhượng đất cho Cụ M hay chuyển nhượng đất cho Ông N. Như vậy, Cụ M và cụ Y không có tranh chấp về giao dịch chuyển nhượng đất theo **Giấy bán nhà** lập ngày 20/4/1996 nên không cần thiết triệu tập, lấy lời khai của cụ Y và các con cụ Y để làm rõ tính pháp lý của giao dịch chuyển nhượng này; hơn nữa **Giấy bán nhà** lập ngày 20/4/1996 đã được chính quyền nhiều cấp ở địa phương xác nhận, phê duyệt việc chuyển nhượng đất từ cụ Y sang Cụ M nên nếu triệu tập được cụ Y và nếu cụ Y và các con trình bày ngược lại với nội dung **Giấy bán nhà** lập ngày 20/4/1996 (nếu trình bày bán nhà đất cho Ông N) thì lời trình bày sau này của cụ Y và các con cũng chỉ là chứng cứ để Tòa án tham khảo khi giải quyết vụ án.

Từ các căn cứ và phân tích như trên thì việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định vợ chồng Cụ M là người nhận chuyển nhượng nhà, đất của cụ Y nên có quyền sử dụng nhà đất này là có cơ sở, đúng pháp luật.

{1.2}. Cụ Lê Thị Y quản lý sử dụng và đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299/TTg năm 1986 là chủ sử dụng thửa đất số 256, tờ bản đồ số 10 (nay là thửa đất số 480 đang tranh chấp) tại **Sổ đăng ký ruộng đất** của Hợp tác xã Nông nghiệp Bình Đông lập ngày 24/4/1985 (bút lục 106) và Ban chỉ huy đội 1 Bình Đông, Ban thôn Bình Đông, Hợp tác xã Nông nghiệp Bình Đông và Ủy ban nhân dân xã T đều xác nhận vào **Giấy bán nhà** ngày 20/4/1996 giữa cụ Y với cụ Ngô M. Do đó, việc UBND huyện S cấp **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** ngày 14/7/200, công nhận “*hộ ông Ngô Anh N*” có quyền sử dụng thửa đất số 480 nêu trên; trong khi không được sự đồng ý bằng văn bản của vợ chồng cụ Ngô M là không đúng quy định của luật Đất đai năm 1993 và hướng dẫn tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định vợ chồng cụ Ngô M là người có quyền sử dụng thửa đất số 480 từ việc nhận chuyển nhượng nhà đất của cụ Lê Thị Y để hủy **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** số sê ri S 643775, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01787 QSDĐ/số 246/QĐ-UB (H) mà UBND huyện S cấp cho “*hộ ông Ngô Anh N*” ngày 17/4/2001; từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Ngô M hủy **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** số sê ri S 643775 nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

{2}. Về hiệu lực của **Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất** số 663/CN ngày 16/6/2006 giữa vợ chồng Ông N với bà T thì thấy:

Ngày 17/4/2001, UBND huyện S cấp **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** số sê ri S 643775, số vào sổ cấp GCN: 01787 QSDĐ/số 246/QĐ-UB (H) cho “*hộ ông Ngô Anh N*” đối với diện tích 1.493m² đất, thửa số 480, tờ bản đồ 38, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 16/6/2006 ông Ngô Anh N ký Hợp đồng chuyển nhượng cho bà Bùi Thị T 180m² đất, thuộc thửa đất số 480 nêu trên; hợp đồng được UBND xã T chứng thực ngày 20/6/2006, Phòng Tài nguyên Môi trường huyện S xác nhận đủ điều kiện chuyển nhượng ngày 23/8/2006, UBND huyện S phê duyệt ngày 29/8/2006 và Phòng Tài nguyên Môi trường huyện S chỉnh lý sang tên bà Bùi Thị T ngày 29/8/2006 (bl 97-99, 66). Bộ luật dân sự 2005, Điều 138 khoản 2 và Điều 692 quy định: “*Trong trường hợp tài sản giao dịch là bất động sản hoặc là động sản phải đăng ký quyền sở hữu đã được chuyển giao bằng một giao dịch khác cho người người thứ ba ngay tình thì giao dịch với người thứ ba bị vô hiệu, trừ trường hợp người thứ ba ngay tình nhận được tài sản này thông qua bán đấu giá hoặc giao dịch với người mà theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là chủ sở hữu tài sản, nhưng sau đó người này không phải là chủ sở hữu tài sản do bản án, quyết định bị hủy, sửa*”; “*Việc chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai*”. Khoản 4, Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/11/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 quy định: “*Hợp đồng chuyển đổi, chuyển nhượng, thuê, thuê lại quyền sử dụng đất; hợp đồng hoặc văn bản tặng cho quyền sử dụng đất; hợp đồng thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất*”. Xét thấy, trên cơ sở Quyết định số 246/QĐ-UB (H) ngày 17/4/2001 của UBND huyện S mà “*hộ ông Ngô Anh N*” được cấp **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất** số sê ri S643775 đối với diện tích 1.493m² đất, thuộc thửa 480, tờ bản đồ 38, xã T, huyện S; bà T “*giao dịch*” nhận chuyển nhượng của Ông N (người có quyền sử dụng đất theo Quyết định của UBND huyện S) 180m² đất, trong diện tích 1.493m² đất nêu trên; bà T đã đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (được chỉnh lý, sang tên bà T ngày 29/8/2006) nên đối chiếu với các quy định nêu trên của pháp luật thì bà T có quyền sử dụng 180m² đất, trong tổng diện tích 1.493m² đất, thửa 480, tờ bản đồ 38, xã T, huyện S theo *Trích lục bản đồ địa chính khu đất* do Phòng Tài nguyên Môi trường huyện S vẽ ngày 23/8/2006, *Trích đo bản đồ địa chính thửa đất* do Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại T đo vẽ ngày 25/7/2017 (bl 98, 161). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng ngày 16/6/2006 giữa Ông N với bà T vô hiệu là không đúng pháp luật.

Ngày 15/3/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được **Đơn kháng cáo** đề ngày 15/3/2018 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Bùi Thị T, nội dung Đơn bà T trình bày: Bà không nhận được Giấy

báo phiên tòa của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc xét xử sơ thẩm vụ án của Bà vào ngày 09/9/2017; ngày 21/9/2017, Bà có ký nhận Bưu gửi là Bản án sơ thẩm tại *Phiếu báo phát* của Bưu cục phường Vĩnh Lộc, quận Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, vì thiếu hiểu biết pháp luật và nghĩ rằng đã mua đất hợp pháp, ngay tình nên trước sau cũng sẽ được công nhận và vì bận mưu sinh (bán hàng thuê) nên không có ý kiến gì, chỉ đến khi được Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm mới biết Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không đúng pháp luật, nhưng Bà không có kháng cáo hợp lệ; do đó Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận bà T đã có quyền sử dụng 180m² đất từ Ông N, trong khi bà T đã được chỉnh lý, sang tên quyền sử dụng đất này là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T; tuy bà T không kháng cáo hợp lệ, nhưng cũng cần xem xét trên góc độ thực tế như trình bày của bà T; hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Ngô Anh H đại diện theo ủy quyền cho vợ chồng cụ Ngô M đồng ý để bà T được quyền sử dụng diện tích đã nhận chuyển nhượng từ ông Ngô Anh N với điều kiện Ông N phải “*có lời nói lại với cha*” và Ông N bán đất cho bà T là sai, Ông N đã nhận tiền của bà T nên Ông N phải trả tiền lại (theo giá thị trường) cho cha. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Anh H, chấp nhận lý do không kháng cáo hợp lệ của bà T vì các vấn đề này phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm được quyền lợi chính đáng, hợp pháp của bà T cũng như của vợ chồng cụ Ngô M nên cấp phúc thẩm sẽ sửa bản án sơ thẩm về vấn đề này.

Từ phân tích tại các luận điểm {1}, {2} nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

+ Vợ chồng cụ Ngô M là người có quyền sử dụng 1.493m² đất, thửa số 480, tờ bản đồ 38, xã T, huyện S; nhưng vợ chồng cụ Ngô M trước đây đã cho và hiện nay hai cụ vẫn đồng ý cho vợ chồng Ông N sử dụng 426,7m² đất nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là có cơ sở, đúng pháp luật nên cấp phúc thẩm giữ nguyên phần này;

+ Đối với diện tích 180m² đất mà vợ chồng Ông N đã chuyển nhượng cho bà T thì bà T đã được chỉnh lý, sang tên hợp pháp và được ông Ngô Anh H (đại diện theo ủy quyền của vợ chồng cụ Ngô M) tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đồng ý để bà T được quyền sử dụng nên cần ghi nhận sự tự nguyện của ông H vì điều này phù hợp quy định của pháp luật. Diện tích đất 180m² đất này nằm ngoài diện tích đất vợ chồng cụ Ngô M cho vợ chồng Ông N nên Ông N phải bồi thường giá trị quyền sử dụng 180m² đất này cho vợ chồng cụ Ngô M theo giá do các bên đương sự thống nhất tại *Biên bản về việc thỏa thuận giá tài sản tranh chấp* ngày 26/4/2017 (bl 141). Diện tích, vị trí đất mà bà T, Ông N được quyền sử dụng thể hiện tại *Trích lục bản đồ địa chính khu đất* do Phòng Tài nguyên Môi trường huyện S vẽ ngày 23/8/2006 (đối với bà T) và *Trích đo bản*

đồ địa chính thửa đất do Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại T đo vẽ ngày 25/7/2017 (thể hiện cả đất của bà T và Ông N);

+ Do Ông N kê khai, được UBND huyện S cấp quyền sử dụng 1.493m² đất, thửa số 480, tờ bản đồ 38, xã T, huyện S theo ***Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*** số sê ri S 643775, sổ vào sổ cấp GCN: 01787 QSDĐ/số 246/QĐ-UB (H) ngày 17/4/2001 là không đúng nên cần hủy ***Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*** này về phần cấp cho vợ chồng ông Ngô Anh N; còn về phần cấp quyền sử dụng 180m² đất cho bà T (chỉnh lý, sang tên ở trang sau của ***Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*** số sê ri S 643775 nêu trên) vẫn có hiệu lực pháp luật nên bà T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này; Ông N cũng vẫn được vợ chồng Cụ M cho được quyền tiếp tục sử dụng 426,7m² đất nên Ông N có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai xin được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất này theo như quyết định tại bản án này.

{3}. Đối với chuồng heo tạm do vợ chồng Ông N xây dựng trên diện tích đất phải trả lại vợ chồng cụ Ngô M thì Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ *Sơ đồ địa chính thửa đất* và *Trích đo bản đồ địa chính thửa đất* do Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại T đo vẽ ngày 25/7/2017 (bl 161, 218) để quyết định là có cơ sở nên cấp phúc thẩm giữ nguyên

{4}. Đối với số cây do vợ chồng Ông N trồng thì tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã làm rõ là số cây này nằm trên diện tích đất Ông N phải trả vợ chồng Cụ M (nằm ngoài diện tích 180m² đất của bà T) nên Tòa án cấp sơ thẩm giao vợ chồng Cụ M được sở hữu những cây này, buộc thanh toán cho vợ chồng Ông N giá trị những cây này là 1.930.000 đồng theo thỏa thuận về giá của các đương sự tại *Biên bản về việc thỏa thuận giá tài sản tranh chấp* ngày 26/4/2017 là có cơ sở, Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định này.

{5}. Về chi phí đo đạc: 3.800.000đồng; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 1.500.000đ, tổng cộng là 5.300.000đồng; án phí sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng Ông N phải chịu là có cơ sở, đúng pháp luật.

{6}. Về án phí phúc thẩm: ông Ngô Anh N kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm; bà Bùi Thị T (được coi có kháng cáo) được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm

Từ các luận điểm nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 34, 35, 37, 157, 158; khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 137; khoản 2 Điều 138; các Điều 255, 256, 258, Điều 692 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166 và điểm c khoản 1 Điều 688

Bộ luật dân sự năm 2015; Luật Đất đai năm 1993 và hướng dẫn thi hành tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính. Luật đất đai năm 2003 và hướng dẫn thi hành tại khoản 4 Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/11/2004 của Chính phủ; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Anh N, chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Ngô M (X), cụ Huỳnh Thị T cho vợ chồng Ông N, bà P 426,7m² đất nằm ở phía Bắc thửa đất 480, tờ bản đồ số 38 xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi có tứ cận: Phía Bắc giáp đường đất đi vào nhà cụ Ngô M (X), cụ Huỳnh Thị T có chiều dài từ điểm A đến điểm B có các cạnh lần lượt là: 6,15m + 12,41m + 3,97m + 5,27m + 2,29m + 2,99m + 3,32m + 3,27m + 6,66m; Phía Tây giáp đường Chợ Mới đi chợ Đình có chiều dài từ điểm A đến điểm C là 9,62m; Phía Nam giáp diện tích đất giao trả cho Cụ M, cụ T có chiều dài từ điểm C đến điểm D có các cạnh lần lượt là: 8,14m + 2,94m + 33,26m; Phía Đông giáp đất cụ Ngô M (X), cụ Huỳnh Thị T có chiều dài từ điểm D đến điểm B là 11,45m. Vị trí, kích thước diện tích đất Ông N được quyền sử dụng thể hiện tại *Sơ đồ địa chính thửa đất* và *Trích đo bản đồ địa chính thửa đất* do Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại T đo vẽ ngày 25/7/2017 (được gửi kèm theo bản án này).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Anh H (đại diện theo ủy quyền của vợ chồng Cụ M, cụ T) đồng ý để bà T được quyền sử dụng diện tích 180m² đất bà T đã nhận chuyển nhượng từ Ông N và căn cứ quy định của pháp luật, công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 663/CN ngày 16/6/2006 giữa ông Ngô Anh N với bà Bùi Thị T; bà T đã có quyền sử dụng 180m² đất (trong tổng diện tích 1.493m² đất, tại thửa số 480, tờ bản đồ 38, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi) theo ghi biến động chính lý, sang tên bà T ngày 29/8/2006 tại mặt sau của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri S 643775 {số vào sổ cấp GCN 01787 QSDĐ/số 246/QĐ-UB (H)} mà UBND huyện S cấp ngày 17/4/2001; vị trí, kích thước diện tích đất bà T được quyền sử dụng thể hiện tại *Sơ đồ địa chính thửa đất* và *Trích đo bản đồ địa chính thửa đất* do Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại T đo vẽ ngày 25/7/2017 (được gửi kèm theo bản án này).

3. Buộc vợ chồng Ông N, bà P tháo dỡ 01 chuồng heo đã làm ở góc Đông Bắc và trả lại vợ chồng cụ Ngô M (X), cụ Huỳnh Thị T diện tích 676,9m² đất, thuộc thửa 480, tờ bản đồ số 38, xã T, huyện S {đây là diện tích đất vợ chồng Ông N phải trả vợ chồng Cụ M, sau khi đã trừ 426,7m² vợ chồng Cụ M cho vợ

chồng Ông N, trừ 122,7m² vợ chồng Cụ M đã cho vợ chồng ông Ngô Anh H và trừ 180m² đất bà T đã nhận chuyển nhượng hợp pháp}; vị trí, kích thước diện tích đất vợ chồng Ông N phải trả lại này được thể hiện tại *Sơ đồ địa chính thửa đất* và *Trích đo bản đồ địa chính thửa đất* do Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại T đo vẽ ngày 25/7/2017 (được gửi kèm theo bản án này).

Buộc vợ chồng Ông N, bà P trả vợ chồng cụ Ngô M (X), cụ Huỳnh Thị T 144.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu đồng); kể từ ngày vợ chồng cụ Ngô M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành trả xong khoản tiền này và nếu vợ chồng cụ Ngô M có yêu cầu trả lãi thì vợ chồng Ông N, bà P còn phải trả lãi cho vợ chồng Cụ M theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sê ri S 643775, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 01787 QSDĐ/số 246/QĐ-UB (H) do Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 14/7/2001 cho “*hộ ông Ngô Anh N*” về phần cấp cho vợ chồng ông Ngô Anh N; còn phần cấp quyền sử dụng 180m² đất cho bà T (chỉnh lý, sang tên ở trang sau) vẫn có hiệu lực pháp luật nên bà T được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này; Ông N cũng được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 426,7m² đất do được vợ chồng Cụ M cho. Vị trí, kích thước diện tích đất bà T, Ông N được cấp quyền sử dụng theo như *Sơ đồ địa chính thửa đất* và *Trích đo bản đồ địa chính thửa đất* do Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại T đo vẽ ngày 25/7/2017 (được gửi kèm theo bản án này).

5. Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi lập ngày 26/4/2017, giao cho cụ Ngô M (X), cụ Huỳnh Thị T được sở hữu các cây cối có trên đất bao gồm 01 cây Dừa, 05 cây Cau, 02 cây Mãng cầu, 01 cây Chanh và 01 cây ôi; buộc cụ Ngô M (X), cụ Huỳnh Thị T hoàn trả giá trị số cây cối trên cho vợ chồng Ông N, bà P với số tiền 1.930.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

6. Về chi phí đo đạc là 3.800.000 đồng và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng, tổng cộng 5.300.000 đồng thì vợ chồng Cụ M, cụ T đã tạm ứng và chi phí xong nên vợ chồng Ông N, bà P có trách nhiệm hoàn trả vợ chồng Cụ M, cụ T 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm ngàn đồng).

7. Về án phí:

7.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng Ông N, bà P có trách nhiệm nộp 31.720.800 đồng (ba mươi một triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, tám trăm đồng);

Vợ chồng cụ Ngô M (X), cụ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.586.000 đồng

{hai triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn đồng, thể hiện tại Biên lai thu số AA/2014/00029055 ngày 18/10/2016 do ông H nộp thay 2.286.000 đồng và Biên lai thu số AA/2014/0002874 ngày 03/3/2017 do ông Huỳnh Ngọc Ất nộp thay 300.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi}.

7.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Anh N phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng Ông N đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/2016/0001384 ngày 25/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (để biết);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân